

- A. 2. B. 4. C. 3. D. 5.
- Câu 75:** Có thể phân biệt 3 lọ mất nhãn chứa: HCOOH ; CH_3COOH ; $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$ với hóa chất nào dưới đây ?
 A. dd $\text{AgNO}_3/\text{NH}_3$. B. NaOH . C. Na . D. $\text{Cu}(\text{OH})_2/\text{OH}^-$.
- Câu 76:** Chỉ dùng thuốc thử nào dưới đây có thể phân biệt 4 lọ mất nhãn chứa : fomon ; axit fomic ; axit axetic ; ancol etylic ?
 A. dd $\text{AgNO}_3/\text{NH}_3$. B. CuO . C. $\text{Cu}(\text{OH})_2/\text{OH}^-$. D. NaOH .
- Câu 77:** Chỉ dùng thuốc thử nào dưới đây có thể phân biệt 4 lọ mất nhãn chứa : etylen glycol ; axit fomic ; fomon ; ancol etylic ?
 A. dd $\text{AgNO}_3/\text{NH}_3$ B. CuO . C. $\text{Cu}(\text{OH})_2/\text{OH}^-$. D. NaOH .
- Câu 78:** Chỉ dùng quỳ tím và nước brom có thể phân biệt được những chất nào sau đây ?
 A. axit fomic ; axit axetic ; axit acrylic ; axit propionic.
 B. Axit axetic; axit acrylic; anilin; toluen; axit fomic.
 C. Ancol etylic; ancol metylic; axit axetic; axit propionic.
 D. Ancol etylic; ancol metylic ; phenol ; anilin.
- Câu 79:** Để phân biệt 3 mẫu hóa chất riêng biệt : phenol, axit acrylic, axit axetic bằng một thuốc thử, người ta dùng thuốc thử
 A. dung dịch Na_2CO_3 . B. CaCO_3 .
 C. dung dịch Br_2 . D. dung dịch $\text{AgNO}_3/\text{NH}_3$.
- Câu 80:** Để phân biệt axit propionic và axit acrylic ta dùng
 A. dung dịch Na_2CO_3 . B. dung dịch Br_2 .
 C. dung dịch $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$. D. dung dịch NaOH .
- Câu 81:** Có thể phân biệt CH_3CHO và $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$ bằng phản ứng với
 A. Na . B. $\text{Cu}(\text{OH})_2/\text{NaOH}$. C. $\text{AgNO}_3/\text{NH}_3$. D. Tất cả đều đúng.
- Câu 82:** Để phân biệt 3 dung dịch riêng biệt : axit axetic, axit acrylic, axit fomic người ta dùng theo thứ tự các thuốc thử sau
 A. dung dịch Br_2/CCl_4 . B. dung dịch $\text{Br}_2/\text{H}_2\text{O}$.
 C. dung dịch Na_2CO_3 . D. dung dịch $\text{AgNO}_3/\text{NH}_3$ dư.
- Câu 83:** Để phân biệt HCOOH và CH_3COOH ta dùng
 A. Na . B. $\text{AgNO}_3/\text{NH}_3$. C. CaCO_3 . D. NaOH .
- Câu 84:** Tráng gương hoàn toàn hợp chất hữu cơ X bằng $\text{AgNO}_3/\text{NH}_3$ thu được hỗn hợp sản phẩm chỉ gồm các chất vô cơ. X có cấu tạo
 A. HCHO . B. HCOONH_4 . C. HCOOH . D. Tất cả đều đúng.
- Câu 85:** Có thể phân biệt HCOOCH_3 và CH_3COOH bằng
 A. $\text{AgNO}_3/\text{NH}_3$ B. CaCO_3 . C. Na . D. Tất cả đều đúng.
- Câu 86:** Chất tạo được kết tủa đỏ gạch khi đun nóng với $\text{Cu}(\text{OH})_2$ là
 A. HCHO . B. HCOOCH_3 . C. HCOOH . D. Tất cả đều đúng.
- Câu 87:** Chỉ dùng 1 hóa chất nào sau đây để phân biệt các dung dịch : ancol etylic, glixerol, fomalin ?
 A. $\text{Cu}(\text{OH})_2$, $t^\circ\text{C}$. B. Na . C. $\text{AgNO}_3 / \text{NH}_3$. D. A, B, C đều đúng.
- Câu 88:** Hidro hóa hoàn toàn 2,9 gam một anđehit A được 3,1 gam ancol. A có công thức phân tử là
 A. CH_2O . B. $\text{C}_2\text{H}_4\text{O}$. C. $\text{C}_3\text{H}_6\text{O}$. D. $\text{C}_2\text{H}_2\text{O}_2$.
- Câu 89:** Thể tích H_2 (0°C và 2 atm) vừa đủ để tác dụng với 11,2 gam anđehit acrylic là
 A. 4,48 lít. B. 2,24 lít. C. 0,448 lít. D. 0,336 lít.
- Câu 90:** Cho 14,6 gam hỗn hợp 2 anđehit đơn chức, no liên tiếp tác dụng hết với H_2 tạo 15,2 gam hỗn hợp 2 ancol.
 a. Tổng số mol 2 ancol là
 A. 0,2 mol. B. 0,4 mol. C. 0,3 mol. D. 0,5 mol.
 b. Khối lượng anđehit có KLPT lớn hơn là
 A. 6 gam. B. 10,44 gam. C. 5,8 gam. D. 8,8 gam.
- Câu 91:** Cho 7 gam chất A có CTPT $\text{C}_4\text{H}_6\text{O}$ tác dụng với H_2 dư có xúc tác tạo thành 5,92 gam ancol isobutylic.
 a. Tên của A là
 A. 2-metyl propenal. B. 2-metylpropanal. C. but-2-en-1-ol. D. but-2-en-1-al.
 b. Hiệu suất của phản ứng là
 A. 85%. B. 75%. C. 60%. D. 80%.
- Câu 92:** Oxi hóa 1,76 gam một anđehit đơn chức được 2,4 gam một axit tương ứng. Anđehit đó là
 A. anđehit acrylic. B. anđehit axetic.
 C. anđehit propionic. D. anđehit fomic.
- Câu 93:** Oxi hóa 17,4 gam một anđehit đơn chức được 16,65 gam axit tương ứng ($\text{H} = 75\%$). Anđehit có công thức phân tử là

A. CH_2O . B. $\text{C}_2\text{H}_4\text{O}$. C. $\text{C}_3\text{H}_6\text{O}$. D. $\text{C}_3\text{H}_4\text{O}$.

Câu 94: Đốt cháy a mol một anđehit A thu được a mol CO_2 . Anđehit này có thể là
A. CH_3CHO . B. HCHO . C. $\text{C}_2\text{H}_5\text{CHO}$. D. A, B, C đều đúng.

Câu 95: Đốt cháy hoàn toàn 1,46 gam hỗn hợp 2 anđehit no, đơn chức đồng đẳng kế tiếp thu được 1,568 lít CO_2 (đktc).

a. CTPT của 2 anđehit là

A. CH_3CHO và $\text{C}_2\text{H}_5\text{CHO}$. B. HCHO và CH_3CHO .
C. $\text{C}_2\text{H}_5\text{CHO}$ và $\text{C}_3\text{H}_7\text{CHO}$. D. Kết quả khác.

b. Khối lượng gam của mỗi anđehit là

A. 0,539 và 0,921. B. 0,88 và 0,58. C. 0,44 và 1,01. D. 0,66 và 0,8.

Câu 96: Đốt cháy hoàn toàn một anđehit đơn chức no, mạch hở A cần 17,92 lít O_2 (đktc). Hấp thụ hết sản phẩm cháy vào nước vôi trong được 40 gam kết tủa và dung dịch X. Đun nóng dung dịch X lại có 10 gam kết tủa nữa. Công thức phân tử A là

A. CH_2O . B. $\text{C}_2\text{H}_4\text{O}$. C. $\text{C}_3\text{H}_6\text{O}$. D. $\text{C}_4\text{H}_8\text{O}$.

Câu 97: X, Y, Z, T là 4 anđehit no hở đơn chức đồng đẳng liên tiếp, trong đó $M_T = 2,4M_X$. Đốt cháy hoàn toàn 0,1 mol Z rồi hấp thụ hết sản phẩm cháy vào bình đựng dung dịch $\text{Ca}(\text{OH})_2$ dư thấy khối lượng dung dịch tăng hay giảm bao nhiêu gam?

A. Tăng 18,6 gam. B. Tăng 13,2 gam. C. Giảm 11,4 gam. D. Giảm 30 gam.

Câu 98: Đốt cháy hoàn toàn một lượng anđehit A cần vừa đủ 2,52 lít O_2 (đktc), được 4,4 gam CO_2 và 1,35 gam H_2O . A có công thức phân tử là

A. $\text{C}_3\text{H}_4\text{O}$. B. $\text{C}_4\text{H}_6\text{O}$. C. $\text{C}_4\text{H}_6\text{O}_2$. D. $\text{C}_8\text{H}_{12}\text{O}$.

Câu 99: Đốt cháy hoàn toàn 1 anđehit A mạch hở, no thu được CO_2 và H_2O theo tỉ lệ

$n_A : n_{\text{CO}_2} : n_{\text{H}_2\text{O}} = 1 : 3 : 2$. Vậy A là

A. $\text{CH}_3\text{CH}_2\text{CHO}$. B. OHCCH_2CHO .
C. $\text{HOCCH}_2\text{CH}_2\text{CHO}$. D. $\text{CH}_3\text{CH}_2\text{CH}_2\text{CH}_2\text{CHO}$.

Câu 100: Cho 1,97 gam dung dịch fomalin tác dụng với dung dịch $\text{AgNO}_3/\text{NH}_3$ dư thu được 10,8 gam Ag. Nồng độ % của anđehit fomic trong fomalin là

A. 49%. B. 40%. C. 50%. D. 38,07%.

Câu 101: Hợp chất A chứa 1 loại nhóm chức và phân tử chỉ chứa các nguyên tố C, H, O trong đó oxi chiếm 37,21% về khối lượng, 1 mol A tráng gương hoàn toàn cho 4 mol Ag. Vậy A là

A. $\text{C}_2\text{H}_4(\text{CHO})_2$. B. HCHO . C. HOCCH_2CHO . D. CH_3CHO .

Câu 102: Cho 10,4 gam hỗn hợp gồm metanal và etanal tác dụng với một lượng vừa dư $\text{AgNO}_3/\text{NH}_3$ thu được 108 gam Ag. Khối lượng metanal trong hỗn hợp là

A. 4,4 gam. B. 3 gam. C. 6 gam. D. 8,8 gam.

Câu 103: Cho bay hơi hết 5,8 gam một hợp chất hữu cơ X thu được 4,48 lít hơi X ở $109,2^\circ\text{C}$ và 0,7 atm. Mặt khác khi cho 5,8 gam X phản ứng của $\text{AgNO}_3/\text{NH}_3$ dư tạo 43,2 gam Ag. CTPT của X là

A. $\text{C}_2\text{H}_2\text{O}_2$. B. $\text{C}_3\text{H}_4\text{O}_2$. C. CH_2O . D. $\text{C}_2\text{H}_4\text{O}_2$.

Câu 104: Cho 5,8 gam anđehit A tác dụng hết với một lượng dư $\text{AgNO}_3/\text{NH}_3$ thu được 43,2 gam Ag. Tìm CTPT của A

A. CH_3CHO . B. $\text{CH}_2=\text{CHCHO}$. C. OHCCHO . D. HCHO .

Câu 105: Cho 8,7 gam anđehit X tác dụng hoàn toàn với lượng dung dịch $\text{AgNO}_3/\text{NH}_3$ (dư) được 64,8 gam Ag. X có công thức phân tử là

A. CH_2O . B. $\text{C}_2\text{H}_4\text{O}$. C. $\text{C}_2\text{H}_2\text{O}_2$. D. $\text{C}_3\text{H}_4\text{O}$.

Câu 106: 8,6 gam anđehit mạch không nhánh A tác dụng với lượng (dư) dung dịch $\text{AgNO}_3/\text{NH}_3$ tạo 43,2 gam Ag. A có công thức phân tử là

A. CH_2O . B. $\text{C}_3\text{H}_4\text{O}$. C. $\text{C}_4\text{H}_8\text{O}$.
D. $\text{C}_4\text{H}_6\text{O}_2$.

Câu 107: X là hỗn hợp gồm 2 anđehit đồng đẳng liên tiếp. Cho 0,1 mol X tác dụng với lượng dư dung dịch $\text{AgNO}_3/\text{NH}_3$ được 25,92 gam bạc. % số mol anđehit có số cacbon nhỏ hơn trong X là

A. 20%. B. 40%. C. 60%. D. 75%.

Câu 108: Cho 0,1 mol một anđehit X tác dụng hết với dung dịch $\text{AgNO}_3/\text{NH}_3$ (dư) được 43,2 gam Ag. Hidro hóa hoàn toàn X được Y. Biết 0,1 mol Y tác dụng vừa đủ với Na vừa đủ được 12 gam rắn. X có công thức phân tử là

A. CH_2O . B. $\text{C}_2\text{H}_2\text{O}_2$. C. $\text{C}_4\text{H}_6\text{O}$. D. $\text{C}_3\text{H}_4\text{O}_2$.

Câu 109: X là hỗn hợp 2 anđehit đơn chức. Chia 0,12 mol X thành hai phần bằng nhau :

- Đốt cháy hết phần 1 được 6,16 gam CO_2 và 1,8 gam H_2O .

- Cho phần 2 tác dụng với lượng dư dung dịch $\text{AgNO}_3/\text{NH}_3$ được 17,28 gam bạc.

X gồm 2 anđehit có công thức phân tử là

A. CH_2O và $\text{C}_2\text{H}_4\text{O}$.

B. CH_2O và $\text{C}_3\text{H}_6\text{O}$.

C. CH_2O và $\text{C}_3\text{H}_4\text{O}$.

D. CH_2O và $\text{C}_4\text{H}_6\text{O}$.

Câu 110: Oxi hóa 48 gam ancol etylic bằng $\text{K}_2\text{Cr}_2\text{O}_7$ trong H_2SO_4 đặc, tách lấy sản phẩm hữu cơ ra ngay khỏi môi trường và dẫn vào dung dịch $\text{AgNO}_3/\text{NH}_3$ dư thấy có 123,8 gam Ag. Hiệu suất của phản ứng oxi hóa là

A. 72,46 %.

B. 54,93 %.

C. 56,32 %.

D. Kết quả khác.

Câu 111: Dẫn m gam hơi ancol etylic qua ống đựng CuO dư đun nóng. Ngưng tụ phần hơi thoát ra được hỗn hợp X gồm anđehit, ancol etylic và H_2O . Biết $\frac{1}{2}$ lượng X tác dụng với Na (dư) giải phóng 3,36 lít H_2 (ở đktc), còn $\frac{1}{2}$ lượng X còn lại tác dụng với dư dung dịch $\text{AgNO}_3/\text{NH}_3$ tạo được 25,92 gam Ag.

a. Giá trị m là

A. 13,8 gam

B. 27,6 gam

C. 16,1 gam

D. 6,9 gam

b. Hiệu suất phản ứng oxi hoá ancol etylic là

A. 20%.

B. 40%.

C. 60%.

D. 75%.

Câu 112: Cho m gam ancol đơn chức no (hở) X qua ống đựng CuO (dư) nung nóng. Sau khi phản ứng hoàn toàn thấy khối lượng chất rắn trong ống giảm 0,32 gam. Hỗn hợp hơi thu được (gồm hơi anđehit và hơi nước) có tỉ khối so với H_2 là 19. Giá trị m là

A. 1,2 gam.

B. 1,16 gam.

C. 0,92 gam.

D. 0,64 gam.

Câu 113: X là hỗn hợp 2 ancol đơn chức đồng đẳng liên tiếp. Cho 0,3 mol X tác dụng hoàn toàn với CuO đun nóng được hỗn hợp Y gồm 2 anđehit. Cho Y tác dụng với lượng dư dung dịch $\text{AgNO}_3/\text{NH}_3$ được 86,4 gam Ag. X gồm

A. CH_3OH và $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$.

B. $\text{C}_3\text{H}_7\text{OH}$ và $\text{C}_4\text{H}_9\text{OH}$.

C. $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$ và $\text{C}_3\text{H}_7\text{OH}$.

D. $\text{C}_3\text{H}_5\text{OH}$ và $\text{C}_4\text{H}_7\text{OH}$.

Câu 114: Dẫn 4 gam hơi ancol đơn chức A qua ống đựng CuO, nung nóng. Ngưng tụ phần hơi thoát ra được hỗn hợp X. Cho X tác dụng với lượng dư dung dịch $\text{AgNO}_3/\text{NH}_3$ được 43,2 gam bạc. A là

A. ancol metylic.

B. ancol etylic.

C. ancol anlylic.

D. ancol benzylic.

Câu 115: X là hỗn hợp gồm một ancol đơn chức no, mạch hở A và một anđehit no, mạch hở đơn chức B (A và B có cùng số carbon). Đốt cháy hoàn toàn 13,4 gam X được 0,6 mol CO_2 và 0,7 mol H_2O . Số nguyên tử C trong A, B đều là

A. 1.

B. 2.

C. 3.

D. 4.

Câu 116: Cho hỗn hợp gồm 0,1 mol HCHO và 0,1 mol HCOOH tác dụng với lượng dư Ag_2O (hoặc AgNO_3) trong dung dịch NH_3 , đun nóng. Sau khi các phản ứng xảy ra hoàn toàn, khối lượng Ag tạo thành là

A. 43,2 gam.

B. 10,8 gam.

C. 64,8 gam.

D. 21,6 gam.

Câu 117: Cho 0,1 mol hỗn hợp X gồm hai anđehit no, đơn chức, mạch hở, kế tiếp nhau trong dãy đồng đẳng tác dụng với lượng dư dung dịch AgNO_3 trong NH_3 , đun nóng thu được 32,4 gam Ag. Hai anđehit trong X là

A. HCHO và $\text{C}_2\text{H}_5\text{CHO}$.

B. HCHO và CH_3CHO .

C. $\text{C}_2\text{H}_3\text{CHO}$ và $\text{C}_3\text{H}_5\text{CHO}$.

D. CH_3CHO và $\text{C}_2\text{H}_5\text{CHO}$.

Câu 118: Hidro hoá hoàn toàn hỗn hợp M gồm hai anđehit X và Y no, đơn chức, mạch hở, kế tiếp nhau trong dãy đồng đẳng ($M_X < M_Y$), thu được hỗn hợp hai ancol có khối lượng lớn hơn khối lượng M là 1 gam. Đốt cháy hoàn toàn M thu được 30,8 gam CO_2 . Công thức và phần trăm khối lượng của X lần lượt là

A. HCHO và 50,56%.

B. CH_3CHO và 67,16%.

C. CH_3CHO và 49,44%.

D. HCHO và 32,44%.

Câu 119: Cho 0,1 mol anđehit X tác dụng với lượng dư AgNO_3 (hoặc Ag_2O) trong dung dịch NH_3 , đun nóng thu được 43,2 gam Ag. Hidro hoá X thu được Y, biết 0,1 mol Y phản ứng vừa đủ với 4,6 gam Na. Công thức cấu tạo thu gọn của X là

A. HCHO.

B. OHCCHO .

C. CH_3CHO .

D. $\text{CH}_3\text{CH}(\text{OH})\text{CHO}$.

Câu 120: Hai hợp chất hữu cơ X và Y là đồng đẳng kế tiếp, đều tác dụng với Na và có phản ứng tráng bạc. Biết phần trăm khối lượng oxi trong X, Y lần lượt là 53,33% và 43,24%. Công thức cấu tạo của X và Y tương ứng là

A. HOCH_2CHO và $\text{HOCH}_2\text{CH}_2\text{CHO}$.

B. $\text{HOCH}_2\text{CH}_2\text{CHO}$ và $\text{HOCH}_2\text{CH}_2\text{CH}_2\text{CHO}$.

C. HCOOCH_3 và $\text{HCOOCH}_2\text{CH}_3$.

D. $\text{HOCH}(\text{CH}_3)\text{CHO}$ và $\text{HOOCCH}_2\text{CHO}$.

Câu 121: Hợp chất hữu cơ X tác dụng được với dung dịch NaOH đun nóng và với dung dịch AgNO_3 trong NH_3 . Thể tích của 3,7 gam hơi chất X bằng thể tích của 1,6 gam khí O_2 (cùng điều kiện về nhiệt độ và áp suất). Khi đốt cháy hoàn toàn 1 gam X thì thể tích khí CO_2 thu được vượt quá 0,7 lít (ở đktc). Công thức cấu tạo của X là

A. HCOOC_2H_5 .

B. $\text{CH}_3\text{COOCH}_3$.

C. HOOCCHO .

D. $\text{OHCCH}_2\text{CH}_2\text{OH}$.

Câu 122: Hidro hoá hoàn toàn m gam hỗn hợp X gồm hai anđehit no, đơn chức, mạch hở, kế tiếp nhau trong dãy đồng đẳng thu được $(m + 1)$ gam hỗn hợp hai ancol. Mặt khác, khi đốt cháy hoàn toàn cũng m gam X thì cần vừa đủ 17,92 lít khí O_2 (ở đktc). Giá trị của m là

- A. 10,5. B. 8,8. C. 24,8. D. 17,8.

Câu 123: Cho m gam hỗn hợp X gồm hai rượu (ancol) no, đơn chức, kế tiếp nhau trong dãy đồng đẳng tác dụng với CuO (dư) nung nóng, thu được một hỗn hợp rắn Z và một hỗn hợp hơi Y (có tỉ khối hơi so với H_2 là 13,75). Cho toàn bộ Y phản ứng với một lượng dư Ag_2O (hoặc $AgNO_3$) trong dung dịch NH_3 đun nóng, sinh ra 64,8 gam Ag. Giá trị của m là

- A. 7,8. B. 8,8. C. 7,4. D. 9,2.

Câu 124: Cho 3,6 gam anđehit đơn chức X phản ứng hoàn toàn với một lượng dư Ag_2O (hoặc $AgNO_3$) trong dung dịch NH_3 đun nóng, thu được m gam Ag. Hoà tan hoàn toàn m gam Ag bằng dung dịch HNO_3 đặc, sinh ra 2,24 lít NO_2 (sản phẩm khử duy nhất, ở đktc). Công thức của X là

- A. C_3H_7CHO . B. HCHO. C. C_4H_9CHO . D. C_2H_5CHO .

Câu 125: Oxi hoá 1,2 gam CH_3OH bằng CuO nung nóng, sau một thời gian thu được hỗn hợp sản phẩm X (gồm HCHO, H_2O và CH_3OH dư). Cho toàn bộ X tác dụng với lượng dư Ag_2O (hoặc $AgNO_3$) trong dung dịch NH_3 , được 12,96 gam Ag. Hiệu suất của phản ứng oxi hoá CH_3OH là

- A. 76,6%. B. 80,0%. C. 65,5%. D. 70,4%.

Câu 126: Cho 0,25 mol một anđehit mạch hở X phản ứng với lượng dư dung dịch $AgNO_3$ trong NH_3 , thu được 54 gam Ag. Mặt khác, khi cho X phản ứng với H_2 dư (xúc tác Ni, t°) thì 0,125 mol X phản ứng hết với 0,25 mol H_2 . Chất X có công thức ứng với công thức chung là

- A. $C_nH_{2n-3}CHO$ ($n \geq 2$). B. $C_nH_{2n-1}CHO$ ($n \geq 2$).
C. $C_nH_{2n+1}CHO$ ($n \geq 0$). D. $C_nH_{2n}(CHO)_2$ ($n \geq 0$).

Câu 127: Cho hỗn hợp khí X gồm HCHO và H_2 đi qua ống sứ đựng bột Ni nung nóng. Sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn, thu được hỗn hợp khí Y gồm hai chất hữu cơ. Đốt cháy hết Y thì thu được 11,7 gam H_2O và 7,84 lít khí CO_2 (ở đktc). Phần trăm theo thể tích của H_2 trong X là

- A. 35,00%. B. 65,00%. C. 53,85%. D. 46,15%.

Câu 128: Hỗn hợp X gồm hai ancol no, đơn chức, mạch hở, kế tiếp nhau trong dãy đồng đẳng. Oxi hoá hoàn toàn 0,2 mol hỗn hợp X có khối lượng m gam bằng CuO ở nhiệt độ thích hợp, thu được hỗn hợp sản phẩm hữu cơ Y. Cho Y tác dụng với một lượng dư dung dịch $AgNO_3$ trong NH_3 , thu được 54 gam Ag. Giá trị của m là

- A. 13,5. B. 8,1. C. 8,5. D. 15,3.

Câu 129: 1,72 gam hỗn hợp anđehit acrylic và anđehit axetic tham gia phản ứng cộng vừa đủ 1,12 lít H_2 (đktc). Cho thêm 0,696 gam anđehit B là đồng đẳng của anđehit fomic vào 1,72 gam hỗn hợp 2 anđehit trên rồi cho hỗn hợp thu được tham gia phản ứng tráng bạc hoàn toàn được 10,152 gam Ag. Công thức cấu tạo của B là

- A. CH_3CH_2CHO . B. C_4H_9CHO .
C. $CH_3CH(CH_3)CHO$. D. $CH_3CH_2CH_2CHO$.

Câu 130*: 17,7 gam hỗn hợp X gồm 2 anđehit đơn chức phản ứng hoàn toàn với dung dịch $AgNO_3$ trong NH_3 (dùng dư) được 1,95 mol Ag và dung dịch Y. Toàn bộ Y tác dụng với dung dịch HCl dư được 0,45 mol CO_2 . Các chất trong hỗn hợp X là

- A. C_2H_3CHO và HCHO. B. C_2H_5CHO và HCHO.
C. CH_3CHO và HCHO. D. C_2H_5CHO và CH_3CHO .

Câu 131: A là axit cacboxylic đơn chức chưa no (1 nối đôi $C=C$). A tác dụng với brom cho sản phẩm chứa 65,04% brom (theo khối lượng). Vậy A có công thức phân tử là

- A. $C_3H_4O_2$. B. $C_4H_6O_2$. C. $C_5H_8O_2$. D. $C_5H_6O_2$.

Câu 132: Muốn trung hòa 6,72 gam một axit hữu cơ A cần dùng 200 gam dung dịch NaOH 2,24%. A là

- A. CH_3COOH . B. CH_3CH_2COOH . C. HCOOH. D. $CH_2=CHCOOH$.

Câu 133: Để trung hòa 40 ml giấm ăn cần 25 ml dung dịch NaOH 1M. Biết khối lượng riêng của giấm là 1 g/ml. Vậy mẫu giấm ăn này có nồng độ là

- A. 3,5%. B. 3,75%. C. 4%. D. 5%.

Câu 134: Trung hòa 9 gam axit cacboxylic A bằng NaOH vừa đủ cô cạn dung dịch được 13,4 gam muối khan. A có công thức phân tử là

- A. $C_2H_4O_2$. B. $C_2H_2O_4$. C. $C_3H_4O_2$. D. $C_4H_6O_4$.

Câu 135: Trung hòa 2,7 gam axit cacboxylic A cần vừa đủ 60 ml dung dịch NaOH 1M. A có công thức phân tử là

- A. $C_2H_4O_2$. B. $C_3H_4O_2$. C. $C_4H_6O_4$. D. $C_2H_2O_4$.

Câu 136: Trung hòa hoàn toàn 1,8 gam một axit hữu cơ đơn chức bằng dung dịch NaOH vừa đủ rồi cô cạn dung dịch sau phản ứng được 2,46 gam muối khan. Axit là

- A. HCOOH. B. $CH_2=CHCOOH$. C. CH_3CH_2COOH . D. CH_3COOH .

- Câu 137:** Cho 3,6 gam axit cacboxylic no, đơn chức X tác dụng hoàn toàn với 500 ml dung dịch gồm KOH 0,12M và NaOH 0,12M. Cô cạn dung dịch thu được 8,28 gam hỗn hợp chất rắn khan.
Công thức phân tử của X là
A. C_2H_5COOH . B. CH_3COOH . C. $HCOOH$. D. C_3H_7COOH .
- Câu 138:** A và B là 2 axit cacboxylic đơn chức. Trộn 1,2 gam A với 5,18 gam B được hỗn hợp X. Để trung hòa hết X cần 90 ml dung dịch NaOH 1M. A, B lần lượt là
A. Axit propionic, axit axetic. B. axit axetic, axit propionic.
C. Axit acrylic, axit propionic. D. Axit axetic, axit acrylic.
- Câu 139:** Cho 2,46 gam hỗn hợp gồm HCOOH, CH_3COOH , C_6H_5OH tác dụng vừa đủ với 400 ml dung dịch NaOH 1M. Tổng khối lượng muối thu được sau phản ứng là
A. 3,54 gam. B. 4,46 gam. C. 5,32 gam. D. 11,26 gam.
- Câu 140:** Cho 5,76 gam axit hữu cơ X đơn chức, mạch hở tác dụng hết với $CaCO_3$ thu được 7,28 gam muối của axit hữu cơ. Công thức cấu tạo thu gọn của X là
A. $CH_2=CHCOOH$. B. CH_3COOH . C. $HC\equiv CCOOH$. D. CH_3CH_2COOH .
- Câu 141:** Cho 0,1 mol axit hữu cơ X tác dụng với 11,5 gam hỗn hợp Na và K thu được 21,7 gam chất rắn và thấy thoát ra 2,24 lít khí H_2 (đktc). Công thức cấu tạo của X là
A. $(COOH)_2$. B. CH_3COOH . C. $CH_2(COOH)_2$. D. $CH_2=CHCOOH$.
- Câu 142:** Cho 16,6 gam hỗn hợp gồm HCOOH, CH_3COOH tác dụng hết với Mg thu được 3,36 lít H_2 (đktc). Khối lượng CH_3COOH là
A. 12 gam. B. 9 gam. C. 6 gam. D. 4,6 gam.
- Câu 143:** X là hỗn hợp gồm HCOOH và CH_3COOH (tỉ lệ mol 1:1). Lấy 21,2 gam X tác dụng với 23 gam C_2H_5OH (xúc tác H_2SO_4 đặc, đun nóng) thu được m gam hỗn hợp este (hiệu suất este hóa đều đạt 80%). Giá trị m là
A. 40,48 gam. B. 23,4 gam. C. 48,8 gam. D. 25,92 gam.
- Câu 144:** Đun nóng 6 gam CH_3COOH với 9,2 gam C_2H_5OH (có H_2SO_4 đặc làm xúc tác) đến khi phản ứng đạt tới trạng thái cân bằng thì được 5,5 gam este. Hiệu suất phản ứng este hóa là
A. 55%. B. 62,5%. C. 75%. D. 80%.
- Câu 145:** Cho 0,3 mol axit X đơn chức trộn với 0,25 mol ancol etylic đem thực hiện phản ứng este hóa thu được 18 gam este. Tách lấy lượng ancol và axit dư cho tác dụng với Na thấy thoát ra 2,128 lít H_2 . Vậy công thức của axit và hiệu suất phản ứng este hóa là
A. CH_3COOH , H% = 68%. B. $CH_2=CHCOOH$, H% = 78%.
C. $CH_2=CHCOOH$, H% = 72%. D. CH_3COOH , H% = 72%.
- Câu 146:** Oxi hoá anđehit $OHCCH_2CH_2CHO$ trong điều kiện thích hợp thu được hợp chất hữu cơ X. Đun nóng hỗn hợp gồm 1 mol X và 1 mol ancol metylic với xúc tác H_2SO_4 đặc thu được 2 este Z và Q ($M_Z < M_Q$) với tỷ lệ khối lượng $m_Z : m_Q = 1,81$. Biết chỉ có 72% ancol chuyển thành este. Số mol Z và Q lần lượt là
A. 0,36 và 0,18. B. 0,48 và 0,12. C. 0,24 và 0,24. D. 0,12 và 0,24.
- Câu 147:** Đốt cháy hoàn toàn 2,22 gam một axit hữu cơ no A thu được 1,62 gam H_2O . A là
A. C_3H_7COOH . B. C_2H_5COOH . C. $HCOOH$. D. CH_3COOH .
- Câu 148:** Đốt cháy hoàn toàn 0,1 mol axit đơn chức cần V lít O_2 ở đktc, thu được 0,3 mol CO_2 và 0,2 mol H_2O . Giá trị V là
A. 6,72 lít. B. 8,96 lít. C. 4,48 lít. D. 5,6 lít.
- Câu 149:** Đốt cháy hoàn toàn một axit A thu được 0,2 mol CO_2 và 0,15 mol H_2O . A có công thức phân tử là
A. $C_3H_4O_4$. B. $C_4H_8O_2$. C. $C_4H_6O_4$. D. $C_5H_8O_4$.
- Câu 150:** Đốt cháy hoàn toàn 4,38 gam một axit E no, mạch thẳng thu được 4,032 lít CO_2 (đktc) và 2,7 gam H_2O . CTCT của E là
A. CH_3COOH . B. $C_{17}H_{35}COOH$.
C. $HOOC(CH_2)_4COOH$. D. $CH_2=C(CH_3)COOH$.
- Câu 151:** Đốt cháy hoàn toàn 0,1 mol axit cacboxylic A thu được chưa đến 8 gam hỗn hợp CO_2 và H_2O . A là
A. axit fomic. B. axit axetic. C. axit acrylic. D. axit oxalic.
- Câu 152:** Z là một axit hữu cơ. Để đốt cháy 0,1 mol Z cần 6,72 lít O_2 (đktc). CTCT của Z là
A. CH_3COOH . B. $CH_2=CHCOOH$. C. $HCOOH$. D. Kết quả khác.
- Câu 153:** Đốt cháy hết 1 thể tích hơi axit hữu cơ A được 3 thể tích hỗn hợp CO_2 và hơi nước khi đo cùng điều kiện. CTPT của A là
A. $HCOOH$. B. CH_3COOH . C. $HOCCOOH$. D. $HOOCCH_2COOH$.
- Câu 154:** Đốt cháy hoàn toàn 0,44 gam một axit hữu cơ, sản phẩm cháy cho hấp thụ hoàn toàn vào bình 1 đựng P_2O_5 , bình 2 đựng dung dịch KOH. Sau thí nghiệm thấy khối lượng bình 1 tăng 0,36 gam và bình 2 tăng 0,88 gam. CTPT của axit là
A. $C_4H_8O_2$. B. $C_5H_{10}O_2$. C. $C_2H_6O_2$. D. $C_2H_4O_2$.
- Câu 155:** Để đốt cháy hết 10ml thể tích hơi một hợp chất hữu cơ A cần dùng 30 ml O_2 , sản phẩm thu được chỉ gồm CO_2 và H_2O có thể tích bằng nhau và đều bằng thể tích O_2 đã phản ứng. CTPT của A là